

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23400604] - Bóng đá 1 (CCQ2210E)

MMH	STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%			TBTK	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
		Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1						
						1.0	2.0	3.0				
234006	1	2122110294	Phạm Hoài	Ân	20/11/2003	7.5	8.5	8.5	8.3	4.0	5.7	
234006	2	2121270120	Nguyễn Tấn	Anh	28/04/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	3	2122120559	Trần Kỳ	Anh	25/04/2004	5.0	7.5	6.5	6.4	5.0	5.6	
234006	4	2122100267	Nguyễn Lê Quỳnh	Ánh	11/10/2004	8.0	9.0	6.1	7.3	6.0	6.5	
234006	5	2122270045	Trịnh Thị Kim	Ánh	20/07/2004	5.5	7.5	6.5	6.5	4.0	5.0	
234006	6	2122110313	Nguyễn Đình	Bảo	28/12/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	9.0	8.9	
234006	7	2122110282	Lê Thành	Chiến	15/05/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	7.0	7.7	
234006	8	2122110306	Lê Thành	Chiêu	20/02/2004	8.0	9.5	8.5	8.6	7.0	7.7	
234006	9	2121260108	Nguyễn Thành	Đạt	31/05/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	10	2122120395	Lê Thị Thúy	Diễm	01/01/2001	8.5	9.0	8.5	8.6	7.0	7.7	
234006	11	2122040011	Võ Sĩ	Điền	09/06/2004	9.5	9.0	6.5	7.9	9.0	8.6	
234006	12	2122270065	Nguyễn Hà Minh	Đức	22/05/2004	7.0	8.5	6.1	6.9	6.0	6.4	
234006	13	2123110215	Bùi Văn	Hậu	08/11/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	14	2122110316	Nguyễn Minh	Hiền	20/12/2004	5.0	7.5	6.1	6.2	5.0	5.5	
234006	15	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	8.0	8.3	
234006	16	2121210116	Nguyễn Lê Duy	Hưng	13/06/1998	8.0	9.0	6.1	7.3	9.0	8.3	
234006	17	2122110284	Trần Lê	Hưng	27/08/2004	7.5	8.5	8.5	8.3	8.0	8.1	
234006	18	2122170113	Chau Minh	Huy	26/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	19	2121170372	Ngô Thanh	Huy	24/10/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	20	2121120575	Phạm Minh	Huy	25/02/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	21	2122260256	Phan Đức	Huy	21/12/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	22	2118030221	Lê Hoàng Minh	Kha	05/11/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%

234006	23	2122150003	Danh Trần Phi	Khanh	29/10/2004	8.0	9.0	8.3	8.4	4.0	5.8	
234006	24	2122110121	Trần Quốc	Khánh	28/06/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	6.0	6.6	
234006	25	2122100007	Phan Thị	Lan	20/09/2002	8.5	9.0	8.3	8.5	6.0	7.0	
234006	26	2122120068	Lưu Thị Trúc	Lê	09/06/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	6.0	6.8	
234006	27	2123220102	Lê Đặng Huỳnh	Lộc	21/12/2005	5.0	7.5	6.1	6.2	7.0	6.7	
234006	28	2120170613	Nguyễn Thành	Luân	21/06/2001	4.0	4.0	6.1	5.1	6.0	5.6	
234006	29	2122120030	Trần Thị Kiều	My	29/02/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	4.0	5.6	
234006	30	2122220017	Đỗ Thành	Nam	15/09/2004	9.5	9.5	8.3	8.9	9.0	9.0	
234006	31	2122220034	La Dương Ngọc	Ngân	12/09/2002	8.0	9.0	8.3	8.4	5.0	6.4	
234006	32	2121190080	Lê Mai	Ngân	09/12/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	33	2122100403	Hoàng Thị	Ngọc	01/10/2004	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	
234006	34	2122190043	Võ Thị Kim	Ngọc	13/07/2002	9.0	9.5	6.1	7.7	4.0	5.5	
234006	35	2122110318	Nguyễn Nhật	Nguyên	25/09/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	10.0	9.5	
234006	36	2122100283	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	01/01/2002	8.0	9.0	6.1	7.3	4.0	5.3	
234006	37	2122100411	Trần Thị Thu	Nguyệt	24/03/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	4.0	5.4	
234006	38	2122220008	Lương Hoàng	Nhật	02/01/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	5.0	6.2	
234006	39	2122190051	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhi	15/07/2004	8.5	9.0	6.1	7.4	5.0	6.0	
234006	40	2122270066	Võ Minh	Nhật	19/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	41	2122200174	Phùng Trọng	Phú	05/01/2004	7.0	8.0	6.5	7.0	7.0	7.0	
234006	42	2122140041	Phan Văn	Phương	03/12/2004	5.0	7.0	6.1	6.1	9.0	7.8	
234006	43	2122200045	Trần Thị Lan	Phương	28/09/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	6.0	7.1	
234006	44	2123220082	Đinh Tùng	Quang	11/11/2005	8.5	9.0	8.5	8.6	5.0	6.5	
234006	45	2121210095	Nguyễn Thị Bích	Quý	02/05/2003	8.5	9.0	6.5	7.6	7.0	7.3	
234006	46	2120110057	Vũ Hữu	Sang	16/11/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	47	2122220012	Lê Phát	Tài	28/02/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	9.0	8.6	
234006	48	2122110002	Nguyễn Thanh	Tâm	06/10/2003	8.0	9.0	8.3	8.4	5.0	6.4	
234006	49	2122190161	Phạm Duy	Tân	12/01/2004	7.0	8.5	6.5	7.1	4.0	5.3	
234006	50	2122260018	Huỳnh Văn	Thị	11/10/2004	8.0	9.0	6.5	7.5	7.0	7.2	
234006	51	2122220018	Nguyễn Phúc Hoàng	Thông	26/09/2004	8.0	9.0	8.3	8.4	7.0	7.6	
234006	52	2122110174	Hồ Trí	Thức	11/01/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	5.0	6.2	
234006	53	2122120367	Hoàng Thị	Thương	02/02/2004	9.0	9.0	8.5	8.8	4.0	5.9	

234006	54	2121210001	Đàng Thị Thu	Thúy	17/12/2003	8.5	9.5	8.5	8.8	5.0	6.5	
234006	55	2122100392	Tô Ngọc Anh	Thy	10/10/2003	7.5	8.5	6.5	7.3	6.0	6.5	
234006	56	2122030185	Nguyễn Trung	Tín	13/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	57	2122120580	Nguyễn Trung	Tín	20/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	58	2122140034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/12/2003	10.0	10.0	8.5	9.3	6.0	7.3	
234006	59	2122270013	Dương Quốc	Trí	29/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	60	2122200042	Phạm Thanh	Trụ	24/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	61	2122040045	Phan Anh	Tú	29/08/2004	7.0	8.5	6.5	7.1	4.0	5.3	
234006	62	2122030097	Nguyễn Văn	Tuân	08/10/2004	5.0	7.5	6.5	6.4	4.0	5.0	
234006	63	2122110283	Phạm Chánh	Tuấn	01/01/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	4.0	5.9	
234006	64	2123140090	Hoàng Minh	Tuệ	23/01/2005	5.0	7.5	6.1	6.2	8.0	7.3	
234006	65	2122190053	Nguyễn Phạm Hồng Hà	Uyên	17/11/2004	8.5	9.0	6.1	7.4	4.0	5.4	
234006	66	2122110317	Phan Thành	Vĩ	03/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	67	2122200158	Nguyễn Công	Vinh	25/08/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng>20%
234006	68	2123220079	Nguyễn Nguyên	Vũ	12/11/2005	8.0	9.0	6.5	7.5	5.0	6.0	
234006	69	2123220088	Dương Trùng	Vương	06/02/2001	8.0	9.0	6.1	7.3	6.0	6.5	
234006	70	2122200127	Nguyễn Thị Như	Ý	02/10/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	4.0	5.9	
234006	71	2122100036	Nguyễn Phi	Yến	23/01/2004	8.5	9.0	8.3	8.5	6.0	7.0	
		Tổng cộng:		71		412.00	466.50	397.40	418.33			